

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: /STC-QLNS

V/v xây dựng dự toán ngân sách
nhà nước năm 2025, kế hoạch tài
chính – ngân sách nhà nước 03 năm
2025 - 2027

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Thực hiện Công văn số 2651/VP-TH ngày 30/5/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Thực hiện nhiệm vụ được giao, căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán của Bộ Tài chính, để chủ động, chuẩn bị tốt cho công tác xây dựng dự toán ngân sách năm 2025, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2025 -2027, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và các năm 2021 – 2024; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027 theo các nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và các năm 2021-2024

1. Đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách

1.1. Đánh giá tình hình nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2024

Căn cứ kết quả phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm 2024, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn; kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được giao.

Trong đó:

a) Cục Thuế, Cục Hải quan

Đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2024 đối với từng sắc thuế, từng khoản thu đột biến. Phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu, làm rõ những thuận lợi, khó khăn; kiến nghị giải pháp, chú ý làm rõ:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, biến động thị trường bất động sản; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế và khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật ảnh hưởng đến số thu trong năm 2024; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác đôn đốc, thu hồi và xử lý nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2024; dự kiến kết quả thu hồi và xử lý nợ thuế trong các tháng cuối năm 2024 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

Đánh giá tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng (trừ hoàn thuế GTGT nộp thừa) và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2024. Việc thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt mà người nộp thuế đã nộp thừa theo quy định của pháp luật theo các tiêu chí: số hồ sơ đã xử lý/ra quyết định hoàn trả, số tiền hoàn trả. Đồng thời nêu những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

Tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật. Tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN). Phân tích kỹ về kim ngạch xuất nhập khẩu ảnh hưởng đến số thu ngân sách.

Kết quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

Công tác thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2024 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan do ngành thực hiện.

b) Cục Quản lý thị trường

Đánh giá công tác quản lý thị trường, đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại...; kết quả thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm, tình hình thực hiện thu nộp ngân sách (chi tiết số nộp ngân sách địa phương và số nộp ngân sách trung ương), thuyết minh những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân của những hạn chế, kiến nghị giải pháp.

c) Ban Quản lý KKTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn

Đánh giá tình hình thực hiện thu phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải ra vào khu vực cửa khẩu, cặp chợ biên giới theo Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐND (trong đó chi tiết khoản thu phí cửa khẩu và khoản thu phí sang tải 40% nộp NSNN). Nêu rõ hạn chế, tồn tại, nguyên nhân tác động ảnh hưởng đến công tác thu phí.

Rà soát các khu đất dự kiến bán đấu giá quyền thuê đất đối với những khu đất được giao cho Ban Quản lý KKTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn quản lý.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo pháp luật về đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật.

- Báo cáo số liệu đối với tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư ứng trước theo Công văn số 11282/BTC-NSNN ngày 29/9/2019 của Bộ Tài chính.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024. Trong đó lưu ý đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá chi tiết các khoản thu khác phát sinh.

Ngoài ra, đánh giá tình hình thực hiện thu viện trợ, ghi thu, ghi chi tiền thuê đất 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2024 (nếu có).

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước các năm 2021-2024

Cục Thuế, Cục Hải quan: trên cơ sở quyết toán năm 2021, quyết toán năm 2022, thực hiện năm 2023 và ước thực hiện cả năm 2024, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 04 năm 2021 - 2024 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, chi tiết từng sắc thuế, nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa còn lại (ngoài tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu

cổ tức và lợi nhuận sau thuế), thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân khách quan, chủ quan (trong đó, đánh giá cụ thể tác động của dịch Covid-19 và các chính sách điều chỉnh tăng/giảm thu...); bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

2. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách năm 2024

a) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đánh giá khả năng thực hiện dự toán chi Đầu tư phát triển năm 2024, theo từng lĩnh vực chi (bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung trong năm theo quy định), chi tiết: nguồn NSDP (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP, **chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật**); nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP từ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn nước ngoài (gồm vốn vay và viện trợ không hoàn lại); trong đó tập trung đánh giá các nội dung:

* Đối với dự toán chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công

- Chi ĐTPT các chương trình, dự án

+ Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2024 (nếu có), chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực chi, theo các chỉ tiêu: thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thuộc nguồn NSNN theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công; khó khăn, vướng mắc, kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách và trong tổ chức thực hiện.

+ Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT chương trình, dự án nguồn NSNN năm 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2024 theo quy định), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

Các chương trình, dự án đầu tư công: Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2024, báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2025; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSDP có phụ biểu chi tiết theo từng nhóm dự án thuộc ngành, lĩnh vực; vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2023, kế hoạch vốn năm 2024 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2024, kèm theo thuyết minh).

Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 nguồn NSNN theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công và thu hồi vốn ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2023; ước số xử lý trong năm 2024; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi

đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (chi tiết từng dự án).

Đánh giá tình hình chi đầu tư phát triển theo phương thức đối tác công tư, trong đó có đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị

- Chi ĐTPT theo hình thức hợp tác công tư quy định tại Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

- Tác động đến NSNN của việc chuyển đổi các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư sang phương thức đầu tư công và tác động đến NSNN (nếu có), việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2024 (nếu có).

- Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn nước ngoài

+ Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán năm 2024, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2024 (nếu có) chi tiết theo dự án, nhà tài trợ, nguồn vốn: vốn vay (ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá khó khăn, vướng mắc khi giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

+ Đánh giá tình hình thực hiện, kết quả giải ngân vốn nước ngoài, so sánh với dự toán được giao; vướng mắc về thủ tục giải ngân vốn ODA (nếu có); làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

+ Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2024, đánh giá việc thực hiện 04 năm 2021-2024 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết (nếu có); những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

* Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi:

- Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có), tình hình thực hiện và giải ngân năm 2024 nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm cả nguồn hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội từ các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội).

- Trên cơ sở dự kiến tình hình thực hiện năm 2024, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện các nhiệm vụ đầu tư theo Chương trình phục hồi và phát triển

kinh tế - xã hội đến hết 2024, so với mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị giải pháp (nếu có).

* Đánh giá việc thực hiện điều chỉnh giữa các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022-2024; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

* Tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2024:

Đánh giá tình hình thực hiện năm 2024 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân, kiến nghị (nếu có).

* Đánh giá tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư công, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực này, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

(2) Các Sở, ban, ngành (được giao vốn chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn khác không đưa vào Kế hoạch Đầu tư công), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao và thực hiện dự toán trong 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2024; tồn tại, khó khăn, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có) các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN năm 2024 ngoài phạm vi Luật đầu tư công (chi đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nhiệm vụ theo các quyết định của cấp có thẩm quyền).

(3) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đánh giá tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2024, dự kiến đến hết năm 2024; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

b) Đánh giá tình hình thực hiện chi thường xuyên

Các đơn vị dự toán khối tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện thành phố:

(1) Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2024 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao (lưu ý lĩnh vực chi quản lý hành chính thực hiện chế độ chính sách tại xã, thôn).

Đối với các nhiệm vụ chi lĩnh vực an ninh, quốc phòng được áp dụng cơ chế sử dụng nguồn chi thường xuyên NSNN theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, cơ quan, đơn vị đánh giá việc triển khai thực hiện theo quy định, trong đó báo cáo

cụ thể tên nhiệm vụ, thời gian và kinh phí thực hiện theo phê duyệt, tính chất đặc thù, những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị (nếu có).

Tình hình thực hiện việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại tiết b điểm 2 Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước (số tiết kiệm, cắt giảm; số phân bổ để tăng chi cho đầu tư cho hạ tầng chiến lược, y tế, giáo dục, biến đổi khí hậu và an sinh xã hội).

(2) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ **chuyên môn được giao theo lĩnh vực, ngành**, các chương trình, đề án, dự án lớn từ nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2024; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện (Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 và các văn bản liên quan; Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính).

(3) Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng (ngân sách huyện).

(4) Báo cáo tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2024

- Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2024.
- Nhu cầu kinh phí tăng thêm.

- Việc sử dụng nguồn lực để thực hiện điều chỉnh mức lương, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền giao; 70% tăng thu NSDP thực hiện năm 2023 (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) so với dự toán năm 2023 được giao; số thu được để lại theo chế độ năm 2024; nguồn cải cách tiền lương năm 2023 còn dư chuyển sang (nếu có), dự kiến nguồn cải cách tiền lương còn dư đến cuối năm 2024.

(5) Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trên địa bàn năm 2024.

c) Đánh giá tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra.

d) Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2024.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách các năm 2021-2024

a) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2024, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai các năm 2021- 2024 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có); trong đó, cần làm rõ: nhiệm vụ chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công; chi đầu tư chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực); Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (làm rõ số kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; số kinh phí đã được bố trí; số kinh phí đã thực hiện; số còn phải bố trí trong các năm 2025; đánh giá thực hiện chi đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài.

b) Đánh giá tình hình thực hiện chi thường xuyên

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, quyết toán năm 2022, thực hiện năm 2023 và ước thực hiện cả năm 2024, đánh giá lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN các năm 2021-2024 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

Đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các năm 2021 - 2024 so với các mục tiêu đề ra; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

3. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác năm 2024 và các năm 2021-2024

Trên cơ sở các quy định của trung ương và tỉnh, các cơ quan chủ quản các chương trình MTQG báo cáo tình hình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các chương trình; việc thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán năm 2024 (chi tiết phần dự toán năm 2023 chuyển sang năm 2024 để thực hiện và phần dự toán năm 2024, dự toán NSTW, đối ứng NSDP theo quy định) theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, nguồn vốn trong nước, vốn ngoài nước (nếu có); tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị giải pháp khắc phục (nếu có).

Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030, đánh giá việc hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung thể chế (nếu có), việc phân bổ, thực hiện năm 2024. Trường

hợp có sử dụng nguồn vốn nước ngoài, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất kiến nghị (nếu có). Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2024, đánh giá lũy kế dự toán kinh phí được giao, tình hình phân bổ và sử dụng dự toán đến hết năm 2024 so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

II. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Năm 2025 là năm cuối triển khai các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, là năm quyết định hoàn thành việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và tài chính – ngân sách 05 năm 2021 - 2025. Việc xây dựng dự toán NSNN được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 41, Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND các cấp thông qua.

Các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh, các cấp ngân sách trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024, bám sát mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 2021-2025 của ngành, lĩnh vực và địa phương để xây dựng dự toán năm 2025 đảm bảo sát thực tiễn.

1. Xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2025

1.1. Dự toán thu nội địa năm 2025

Xây dựng dự toán phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2024, những đặc thù của năm 2025, bám sát quy định phân cấp nguồn thu tại Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

UBND các huyện, thành phố rà soát, báo cáo các khu đất dự kiến bán đấu giá trong năm 2025 trên địa bàn huyện, trong đó phân định các cơ sở nhà, đất bán đấu giá theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các khu đất bán đấu giá theo Luật Đất đai, thu từ chuyển mục đích sử dụng đất.

Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, báo cáo các khu đất dự kiến bán đấu giá, các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Luật Đất đai dự kiến năm 2025 do cấp tỉnh thực hiện; các dự án ghi thu tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Xây dựng dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí) chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

Đối với khoản thu không tổng hợp vào dự toán thu NSNN (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định), các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

1.2. Dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu

Căn cứ vào dự báo tăng trưởng kim ngạch của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh.

Xét đến các yếu tố tác động như: dự kiến biến động giá trong nước và giá thị trường quốc tế của những mặt hàng có số thu NSNN lớn; tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của các đối tác thương mại chiến lược; tác động giảm thu từ việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và thực thi cam kết trong năm 2025; mức độ thuận lợi hóa thương mại và ảnh hưởng của các hàng rào kỹ thuật; quy mô, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu nguyên vật liệu, trang thiết bị; kế hoạch sản xuất của các nhà máy lọc dầu trong nước.

1.3. Dự toán thu NSNN (bao gồm cả thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu) cần dự kiến phân hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật. Xây dựng dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng.

1.4. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại

Việc xây dựng dự toán thu NSNN năm 2025 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024 (số dự toán được giao, số vốn tiếp nhận từ nhà tài trợ, số vốn thực hiện); văn kiện của Chương trình, dự án, phi dự án hoặc khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt; các văn bản về cam kết viện trợ, thư viện trợ hoặc văn bản về ý định viện trợ của nhà tài trợ; tiến độ triển khai thực tế, khả năng phát sinh và thực hiện mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, chủ chương trình/dự án/phi dự án và cơ quan dự toán cấp I (cơ quan chủ quản) cần xác định tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên, chi tiết từng nội dung/lĩnh vực chi, phân định rõ nguồn vốn theo phân cấp theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước (nếu có).

Đối với các khoản viện trợ đã tiếp nhận từ năm 2024 trở về trước chưa có trong dự toán được giao, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập và tổng hợp vào dự toán năm 2025 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, làm cơ sở để thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2025

2.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

a) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN bao gồm cả nguồn vốn ODA (vốn vay và vốn viện trợ), vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu NSNN, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với các kế hoạch 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của Luật NSNN, các văn bản pháp luật khác có liên quan không thuộc phạm vi của Luật Đầu tư công.

Đề xuất phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, trong đó trong đó xác định cụ thể mức vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia; bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 để khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN về tổng mức hỗ trợ vốn ĐTPT hằng năm của NSTW cho NSDP để thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của NSTW.

b) Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải chi tiết theo nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo ngành, lĩnh vực; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025, nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, phù hợp với cơ chế tài chính của dự án và tiến độ thực hiện chương trình/dự án, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định, thỏa thuận vay, viện trợ nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn.

Đối với các Hiệp định, thỏa thuận, cam kết mới (nếu có) phải đảm bảo trong phạm vi 300 nghìn tỷ đồng nguồn vốn ngoài nước chi ĐTPT của cả giai đoạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt.

c) Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2025, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và

chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2024; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan Kế hoạch và đầu tư và cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Đối với dự toán chi cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý

Căn cứ quy định của pháp luật về cấp bù lãi suất và phí quản lý và tình hình thực hiện các chính sách tín dụng nhà nước năm 2024, dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ; dự kiến tăng trưởng tín dụng, dư nợ cho vay, huy động vốn, lãi suất huy động, lãi suất cho vay,... để xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

đ) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn.

e) Lập dự toán chi ĐTPT ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (kèm thuyết minh chi tiết) thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ, các nhiệm vụ chi NSNN thực hiện các cam kết của Chính phủ đối với các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang trình cấp thẩm quyền trong phạm vi số dự kiến thu ngân sách phát sinh tương ứng.

g) Đối với nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư ngoài cân đối NSNN

Lập dự toán các nhiệm vụ ĐTPT theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị); gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

2.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đơn vị dự toán và UBND các huyện, thành phố tiếp tục căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, các văn bản quy định hiện hành, xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2025 cho từng lĩnh vực chi, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, triệt để tiết kiệm, đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng.

b) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai các Kết luận 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; trong đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương và chi hoạt động bộ máy năm 2025 so

với năm 2024; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm tài sản công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2025 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 10 năm 2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Trong đó:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2024 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

- Mức NSNN hỗ trợ hoạt động chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập loại 3, loại 4 năm 2025 bao gồm cả kinh phí NSNN hỗ trợ thực hiện chính sách, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện từ 01/7/2024 sau khi đã sử dụng nguồn CCTL theo quy định.

d) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác của các lĩnh vực chi ngân sách nhà nước: các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan.

Trong đó lưu ý, đối với các nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, nhiệm vụ liên quan tới công nghệ thông tin được sử dụng nguồn chi thường xuyên, căn cứ quy định tại Luật NSNN, các Nghị định của Chính phủ¹ và văn bản hướng dẫn (nếu có) lập dự toán riêng, kèm hồ sơ thuyết minh chi tiết căn cứ pháp lý, nhiệm vụ được giao, được cấp thẩm quyền phê duyệt, các chế độ, chính sách, định mức được cấp thẩm quyền quy định, hồ sơ, thủ tục khác theo các Nghị định, văn bản hướng dẫn có liên quan, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

đ) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể làm rõ:

- Số biên chế năm 2025 (nếu có), số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2024, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2025 nêu trên. Trường hợp năm 2025 chưa có chỉ tiêu biên chế được phê duyệt, xây dựng dự toán năm 2025 theo biên chế giai đoạn 2021-2026 đã được giao.

¹ Nghị định của Chính phủ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và Nghị định sửa đổi Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

Đồng thời, tiếp tục thực hiện giảm biên chế đối với các trường hợp đến hết năm 2024 chưa thực hiện được mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị hoặc theo biên chế năm 2024 đối với các trường hợp đã đạt mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW.

- Xác định Quỹ lương mới do NSNN đảm bảo: Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2025 xác định như trên, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2024, và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển theo chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội được cấp thẩm quyền phê duyệt thực hiện từ 1/7/2024 (làm rõ các thay đổi so với trước đó); Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có kế hoạch tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ hoặc tuyển dụng cán bộ, công chức, chuyên gia có kinh nghiệm theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt thì xác định quỹ lương tăng thêm của các đối tượng theo quy định.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định) theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và các quy định khác có liên quan năm 2025 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định (trong đó xác định rõ kinh phí bảo đảm xây dựng, hoàn thiện pháp luật là kinh phí đầu tư cơ bản cho hạ tầng pháp lý theo Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020) và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất dự toán kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp, kèm thuyết minh chi tiết.

e) Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

g) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế Nghị định.

Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật: NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao trở lên.

h) Xây dựng dự toán năm 2025 thực hiện các chế độ chính sách do trung ương ban hành theo tiêu chuẩn, định mức cụ thể của từng chế độ.

2.3. Các sở, ngành quản lý lĩnh vực cùng với việc lập dự toán chi NSNN năm 2025 (phần trực tiếp thực hiện), đồng thời chủ động yêu cầu các sở, ngành, địa phương có báo cáo đánh giá tình hình, nhu cầu thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2025, trên cơ sở đó tổng hợp, xác định tổng nhu cầu kinh phí, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

Đối với chi sự nghiệp lĩnh vực khoa học công nghệ và lĩnh vực bảo vệ môi trường, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các văn bản pháp luật chuyên ngành, hướng dẫn của các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, địa phương rà soát, đề xuất phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên thuộc lĩnh vực quản lý đảm bảo các nhiệm vụ, dự án, đề án có đủ căn cứ pháp lý, hồ sơ, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất; gửi Sở Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương, trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

2.4. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 và các chương trình, dự án, đề án khác:

- Các cơ quan chủ quản thực hiện các chương trình MTQG chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2025 theo từng cơ quan và từng huyện, thành phố, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn NSTW, NSĐP, nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác, các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có), đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý, hồ sơ, thủ tục, quyết định phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng với báo cáo dự toán NSNN năm 2025 của cơ quan, đơn vị.

- Đối với các chương trình, dự án, đề án khác: các sở, ngành căn cứ quyết định phê duyệt, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2024, thực hiện lập dự toán, tổng hợp chung vào báo cáo dự toán chi thường xuyên năm

2025 chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định về quản lý NSNN, kèm thuyết minh cụ thể.

2.5. Dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công:

- Các sở, ngành, các huyện, thành phố lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tiết kiệm chi thường xuyên và một phần thu sự nghiệp theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

- Các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương.

- Năm 2025, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để cải cách tiền lương theo quy định. Trong đó: Các địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước), bao gồm 70% tăng thu thực hiện năm 2024 so dự toán năm 2024, 50% tăng thu dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao; 50% phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo phương án đề xuất của địa phương quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 còn dư; số thu được để lại theo chế độ năm 2025.

2.6. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ; lập kế hoạch thu – chi tài chính năm 2025 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật

NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2025 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ...trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

2.7. Dự toán chi các huyện, thành phố: xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ cấp tỉnh cho địa phương xác định bằng số được giao dự toán năm 2024 (nếu có), số bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 (nếu có). Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2024 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

III. Lập kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2025-2027

Giai đoạn 2025-2027 có 01 năm thực hiện thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và 2 năm (2026-2027) thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030. Theo đó, việc xây dựng dự kiến năm 2025 thực hiện quy định tại hướng dẫn này và mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; đối với 02 năm 2026 - 2027 được giả định là năm tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành của giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được. Dự toán chi năm 2025-2027 xây dựng căn cứ các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội được cấp thẩm quyền quyết định thực hiện trong năm 2024 và lộ trình các năm 2025-2027 đã được phê duyệt – nếu có.

1. Lập kế hoạch thu ngân sách

1.1. Căn cứ khả năng phát triển kinh tế xã hội, từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong 2025-2027 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; Nghị quyết số 23/2021/QH15 về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức.

1.3. Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2026-2027, phân đầu tốc độ tăng thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) và tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu không thấp hơn mức tăng các khoản thu này năm 2025 quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Thông tư này. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

1.4. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2025-2027 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

1.5. Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu, chi riêng theo quy định gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

2. Lập dự toán chi ngân sách

2.1. Thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia), chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

2.2. Đối với các sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực đồng thời với việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2025-2027 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2025-2027 trên phạm vi cả tỉnh, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn địa phương năm 2025-2027, gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027.

4. Các huyện, thành phố: trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo chế độ phân cấp được cấp có thẩm quyền quyết định, dự kiến số bổ sung từ ngân sách tỉnh do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2025-2027; Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan lập kế hoạch chi NSDP năm 2025-2027, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành; xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân

sách tỉnh đối với các chế độ, chính sách của trung ương cho từng năm của giai đoạn 2025-2027; đối với các nhiệm vụ chi mới của địa phương trong từng năm của giai đoạn 2025-2027, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2025-2027.

IV. Mẫu biểu báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố

- Báo cáo theo các mẫu biểu tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP: số 05, 06, 07, 08, 09, 11.1 từ 12.1 đến 12.5, từ 13.1 đến 13.12 (theo từng sự nghiệp), 14, 15.1, 15.2, 18, 28 (các nội dung thuộc ngành, đơn vị theo dõi, quản lý), 23, 24, 25 và biểu số 35 (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập);

- Mẫu biểu theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017: các mẫu biểu 12, 13, 14, 15, 16, 17;

- Mẫu biểu theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm: các huyện, thành phố báo cáo theo mẫu biểu số 01, 02, 03, 04, 06; các cơ quan, đơn vị tỉnh báo cáo theo mẫu biểu số từ 13 đến 19.

- Mẫu biểu kèm theo hướng dẫn này: số 01, 02, 03, 04, 05.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Về kế hoạch đầu tư công cung cấp số liệu cho toàn tỉnh: theo biểu mẫu số 11.2, 23, 24, 25, 30, 32, 33, 34 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, mẫu biểu 03 kèm theo hướng dẫn này.

- Báo cáo chỉ tiêu kinh tế xã hội toàn tỉnh theo mẫu biểu số 01 tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

3. Cục Thuế tỉnh báo cáo theo biểu số 01, 02, 03 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

4. Cục Hải quan báo cáo theo biểu số 04 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

5. Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội, Ban Dân tộc) tổng hợp, báo cáo dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia theo mẫu biểu số 11.2 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Lưu ý: Đề nghị các đơn vị lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định

IV. Thời gian gửi báo cáo

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 05/7/2024, để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính đảm bảo thời gian quy định.

Đối với báo cáo về xây dựng dự toán các chương trình mục tiêu quốc gia: Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố gửi báo cáo về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội, Ban Dân tộc**) trước ngày 05/7/2024. Các cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tổng hợp chung gửi báo cáo về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 08/7/2024**.

Sau khi có văn bản chính thức của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2025 -2027; Sở Tài chính sẽ có hướng dẫn bổ sung; trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các đơn vị và các huyện, thành phố phản ánh về phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính để kịp thời xử lý, hoặc có hướng dẫn cụ thể tiếp theo.

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan triển khai, chỉ đạo thực hiện./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Chánh VP;
- Phòng TC-KH các huyện, TP;
- Các phòng: QLNS, HCSN, TCĐT, QLGCS&DN;
- Lưu: VT, QLNS.

Nguyễn Quốc Toàn